

BỘ THƯƠNG MẠI
Số: 747-TM/KD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 7 tháng 9 năm 1995

QUYẾT ĐỊNH BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Nghị định số 95/CP ngày 4-12-1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;

Căn cứ Nghị định 02/CP ngày 5-1-1995 của Chính phủ quy định về hàng hoá dịch vụ cấm kinh doanh thương mại và hàng hoá, dịch vụ kinh doanh thương mại có điều kiện ở thị trường trong nước;

Sau khi thoả thuận với Bộ Nội vụ, Bộ Y tế và Tổng cục Du lịch;

Theo đề nghị của đồng chí Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh Bộ Thương mại;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1:

Nay ban hành kèm theo quyết định này bản quy chế kinh doanh ăn uống bình dân và nhà trọ.

Điều 2:

Bản quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3:

Quy chế này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân kinh doanh ăn uống bình dân và nhà trọ thuộc mọi thành phần kinh tế trong phạm vi cả nước. Các ông Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh, Cục trưởng Cục quản lý thị trường, Giám đốc Sở thương mại các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện quyết định này.

QUY CHẾ

KINH DOANH ĂN UỐNG BÌNH DÂN VÀ NHÀ TRỌ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 747/TM/KD
ngày 07 tháng 09 năm 1995 của Bộ Thương mại)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1:

Mọi tổ chức cá nhân không phân biệt thành phần kinh tế là của người Việt Nam hay người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam muốn kinh doanh ăn uống bình dân, kinh doanh nhà trọ phải có đủ điều kiện quy định trong quy chế này.

Điều 2:

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. Kinh doanh ăn uống bình dân: là hoạt động dùng lương thực, thực phẩm làm nguyên liệu với kỹ thuật và công nghệ đơn giản để chế biến tại chỗ thành thức ăn, đồ uống nhằm đáp ứng nhu cầu phổ thông của khách dưới các hình thức: cửa hàng ăn uống, quán ăn uống (Sau đây gọi tắt là quán ăn, uống); Giá bán phù hợp với khả năng thanh toán của đại bộ phận dân cư và chủ yếu do người kinh doanh dưới vốn pháp định thực hiện.

2.2. Kinh doanh nhà trọ: là hoạt động cho thuê chỗ nghỉ đối với khách vắng lai theo ngày, giờ nhất định (có qua đêm hoặc không qua đêm), với trang thiết bị, tiện nghi tối thiểu; giá cả phù hợp với khả năng thanh toán của đại bộ phận dân cư và chủ yếu do người kinh doanh dưới vốn pháp định thực hiện.

Điều 3:

Những hoạt động dưới đây không thuộc đối tượng áp dụng của Điều 5 và Điều 8 Quy chế này.

3.1. Những người bán hàng ăn uống rong, quà vật.

3.2. Căng tin phục vụ nhu cầu ăn uống cho nội bộ cơ quan, đoàn thể, bệnh viện, trường học, lực lượng vũ trang.

3.3. Bán hàng lương thực, thực phẩm không qua sản xuất chế biến tại chỗ (hàng bán sẵn) có bao gói như: bánh kẹo, rượu bia, nước giải khát đóng chai, các loại thực phẩm đóng hộp, thuốc lá điếu...

Điều 4:

Bộ Thương mại thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kinh doanh ăn uống bình dân và nhà trọ trong cả nước. Sở Thương mại thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực trên trong phạm vi địa phương của mình.

CHƯƠNG II

ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ VÀ THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

Điều 5:

Người hành nghề kinh doanh ăn uống bình dân và nhà trọ phải có các điều kiện sau:

5.1. Là công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đủ 18 tuổi, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

5.2. Có địa điểm kinh doanh nhất định. Địa điểm kinh doanh phải phù hợp với pháp luật và các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước về vệ sinh phòng dịch, bảo vệ cảnh quan môi trường, bảo đảm an toàn giao thông và trật tự xã hội.

Nghiêm cấm việc sử dụng vỉa hè ở các đô thị vào việc kinh doanh ăn uống. Sở Thương mại phối hợp với các ngành hữu quan xác định cụ thể một số đường phố đặc biệt có thể sử dụng một phần phía bên trong vỉa hè để kinh doanh trình UBND tỉnh, thành phố phê duyệt và công bố để mọi người biết và thực hiện.

5.3. Có các trang bị tiện nghi tối thiểu ghi trong phụ lục 1 (đối với kinh doanh ăn uống bình dân) và ghi trong phụ lục 2 (đối với kinh doanh nghỉ trọ).

5.4. Quán ăn uống, nhà trọ phải thông thoáng, sáng sủa, cách xa khu vệ sinh công cộng, bãi rác, hồ ao tù ít nhất là 100 mét; xa nơi sản xuất có thải ra nhiều bụi, chất độc hại hoặc các bệnh viện có thể gây ra các bệnh truyền nhiễm từ 100-500 mét; Có hệ thống cấp nước sinh hoạt và hệ thống thoát nước thải hợp vệ sinh.

5.5. Nhà trọ phải có khu nhà xí, nhà tắm hợp vệ sinh và đủ đáp ứng nhu cầu của số lượng khách trọ.

5.6. Có sức khỏe bình thường và không mắc các bệnh truyền nhiễm theo quy định của Bộ Y tế.

5.7. Kinh doanh nhà trọ phải có thêm các điều kiện bảo đảm về an ninh, trật tự và được cơ quan công an nơi kinh doanh xác nhận (theo điều 8).

Điều 6:

Những người sau đây không được kinh doanh ăn uống bình dân và nhà trọ:

6.1. Là công chức, cán bộ quản lý đang làm việc trong các cơ quan hành chính và các doanh nghiệp Nhà nước, sĩ quan tại ngũ thuộc các lực lượng vũ trang; Những người đang giữ chức vụ trong bộ máy chính quyền các cấp theo chế độ bầu cử.

6.2. Những người mắc một trong những bệnh ghi tại phụ lục 3.

6.3. Những người kinh doanh bị xử phạt hành chính thu hồi giấy phép kinh doanh trong thời hạn hiệu lực của Quyết định xử phạt.

Điều 7:

Những người sau đây không được kinh doanh nghỉ trọ:

7.1. Người đang bị quản chế, cải tạo không giam giữ, bị án tù cho hưởng án treo.

7.2. Người đã bị khởi tố về hình sự hoặc đang có liên quan trực tiếp vào vụ án hình sự mà cơ quan có thẩm quyền đang tiến hành điều tra.

7.3. Người có tiền án về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội hình sự khác có quan hệ trực tiếp tới nghề cho thuê nghỉ trọ. Người đã có tiền án mà chính họ đã lợi dụng hoạt động kinh doanh nhà trọ để hoạt động phạm tội. Người lợi dụng việc kinh doanh nhà trọ để chứa chấp mại dâm, tiêm chích ma túy, cờ bạc...

Điều 8:

Người hành nghề kinh doanh ăn uống bình dân và nghỉ trọ phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh để làm cơ sở cho việc xin cấp hoặc bổ sung giấy phép kinh doanh.

Cơ quan cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ăn uống bình dân và nhà trọ là Sở Thương mại các tỉnh, thành phố. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận theo đúng hướng dẫn tại mục III.2 Thông tư 13/TM-CSTTTN ngày 21-6-1995 của Bộ Thương mại.

Điều 9:

Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh gồm:

9.1. Đơn xin phép kinh doanh (nếu lần đầu ra kinh doanh); hoặc đơn xin bổ sung hay thay đổi giấy phép kinh doanh (nếu đang kinh doanh). Đơn xin phép kinh doanh theo mẫu số

M1.GPKD ban hành kèm theo Thông tư 07/TM/DL ngày 18-5-1992 của Bộ Thương mại và Du lịch (nay là Bộ Thương mại).

9.2. Giấy khám sức khoẻ của người xin kinh doanh và những người trực tiếp tham gia kinh doanh.

9.3. Trước khi cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nghỉ trọ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thoả thuận với cơ quan công an để xác định đủ điều kiện về an ninh trật tự khi hành nghề kinh doanh đặc biệt theo quy định tại Nghị định số 17/CP ngày 23-12-1992 của Chính phủ; Thông tư số 03/BNV ngày 27-3-1993 và Quyết định số 446/BNV-QĐ ngày 25-11-1993 của Bộ Nội vụ.

CHƯƠNG III

NHỮNG QUY ĐỊNH TỐI THIỂU PHẢI THỰC HIỆN KHI KINH DOANH

Điều 10:

Vệ sinh môi trường và an toàn trong kinh doanh.

10.1. Rác, chất thải phải đựng vào thùng, sọt có nắp đậy kín và phải đổ rác, xử lý chất thải hàng ngày.

10.2. Phải có biện pháp chống chuột, ruồi, muỗi, rệp định kỳ theo yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan y tế địa phương.

10.3. Đối với những quán ăn uống ở gần đường, nhiều bụi phải có biện pháp và các phương tiện chống bụi thích hợp.

10.4. Nơi kinh doanh ăn uống bình dân và nhà trọ phải có phương tiện tối thiểu để đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy theo quy định của cơ quan công an.

Điều 11:

Vệ sinh cá nhân trong kinh doanh:

11.1. Những người làm việc trong quán ăn uống, nhà trọ trước khi tuyển dụng phải được kiểm tra sức khoẻ, sau đó cứ mỗi năm (12 tháng) khám lại một lần.

11.2. Người phụ trách đơn vị có trách nhiệm tổ chức việc khám sức khoẻ định kỳ cho nhân viên. Nếu người nào mắc một trong các bệnh theo quy định của phụ lục 3 thì tạm thời nghỉ việc cho tới khi điều trị khỏi bệnh hoặc chuyển sang làm việc khác.